TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/02/2025.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2024, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B - sinh ngày 01/01/1976, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn S - sinh ngày 01/01/1982, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B như sau:

Bà sống chung với ông Dương Văn S vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, khác biệt trong cách sống, quan điểm sống nên không có tiếng nói chung. Ông bà đã sống ly thân 02 năm nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, bà không còn tình cảm yêu thương ông Dương Văn S nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Dương Văn S.

Thời gian chung sống với nhau ông bà không có con chung.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan ông bà không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Dương Văn S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Văn S trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị B về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung, ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

Về con chung, tài sản chung: Ông bà không có con chung và không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam đoan ông bà không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị B và ông Dương Văn S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị B và ông Dương Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Nguyễn Thị B và ông Dương Văn S không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bà Nguyễn Thị B và ông Dương Văn S.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Dương Văn S là hôn nhân tự nguyện, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị B và ông Dương Văn S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Dương Văn S không có con chung, vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Dương Văn S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0010033, ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9 và 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị B và ông Dương Văn S là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0010033, ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang